TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai T - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 09/3/1978; (có mặt)

Địa chỉ: KDC P, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Y, sinh ngày 24/4/1980; (vắng mặt)

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC P, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Viết H, sinh năm 1952 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: KDC P, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Y được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/1998 tại UBND xã T, huyện L (nay là phường T, thành phố L), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng bố mẹ anh C ở thôn P, xã T, huyện L, Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2006 anh đi lao động tại nước ngoài thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, chị Y không quan tâm đến bên nội, hay bỏ về nhà ngoại, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2013 thì chị Y đưa con về hẳn nhà ngoại, đến 2015 chị Y sang đảo Ship lao động. Từ 2013 chị Y đã chủ động yêu cầu anh ly hôn nhưng anh đã vì con để níu kéo chị Y tuy nhiên không được. Năm 2015 vợ chồng cắt đứt hẳn liên lạc. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 28/8/2004, hiện cháu đang ở cùng với ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị chị Y tiếp tục được nuôi dưỡng cháu. Anh sẽ cấp dưỡng cho cháu T 3.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Huyền T có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được tiếp tục sống cùng chị Y và ông bà ngoại.

Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Văn H (bố đẻ chị Y) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn giữa anh C và chị Y đúng như chị Y trình bày. Năm 2010 vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ, anh C chị Y sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Anh C có đơn xin ly hôn đến TAND tỉnh Hải Dương, chị Y có thông qua ông là nhất trí với yêu cầu của anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 28/8/2004, hiện cháu đang ở cùng với ông bà. Ông bà nhất trí trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T giúp chị Y và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y.

Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Y tại đảo Ship nhưng ông không cung cấp được, tuy nhiên ông cam đoan những văn bản Tòa án gửi cho chị Y ông sẽ thông báo lại cho chị Y được biết.

Tại Công văn số 1616/QLXNC-P5 ngày 23/01/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định chị Y xuất cảnh lần cuối ngày 19/12/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa có quan điểm thẩm phán cơ bản chấp hành đúng quy định của BLTTDS tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Y đến TAND tỉnh Hải Dương, chị Y hiện đang lao động tại đảo Ship nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt chị Y, ông H, bà T: Ông H đã có đơn đề nghị vắng mặt. Đối với chị Y, bà T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho chị Y, bà T thông qua ông H, ông H cam đoan sẽ thông báo và giao lại cho 2 người trên. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T, chị Y theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn dấu địa chỉ nên không thực hiện được theo quy định tại điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ. Mặt khác Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Y là ông H và đã 2 lần yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ của chị Y tại nước ngoài tuy nhiên ông không cung cấp được, chỉ biết chị Y hay liên lạc về cho gia đình, do vậy Tòa án đã tống đạt những văn bản tố tụng cho chị Y thông qua ông H, ông H đã thông báo nội dung văn bản cho chị Y là phù hợp với quy định tại Điều 177 BLTTDS. Do vậy đề nghị của VKS không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 4 năm và không còn liên lạc với nhau. Như

vậy có đủ cơ sở xác định tình trạng vợ chồng đã trở lên trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

*[2.2] Về con chung***:** Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 28/8/2004, hiện cháu đang ở cùng với ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị giao cháu cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho cháu 3 triệu đồng/ tháng. Cháu T cũng có nguyện vọng tiếp tục ở cùng ông bà ngoại và mẹ. Ông H cũng nhất trí sẽ giúp chị Y chăm sóc cháu trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy nguyện vọng của anh C, con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng cho cháu T 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Lê Thị Y.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 28/8/2004 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Giao cho ông Lê Viết H và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ chị Y) trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền T trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004940 ngày 03/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;*
- *UBND Phường T,thành phố L.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chất